

Số: 286/2021/QĐST-HNGĐ

G, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lương N A, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 237/13/27 đường C, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Như N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 237/13/27 đường C, Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông A và bà N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyển số 01/99 ngày 25 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/03 /2021 ông A và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 01 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông A và bà N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quA1 hệ hôn nhân: Ông Lương N A và bà Trần Thị Như N thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 79 quyền số 01/99 ngày 25 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, hết hiệu lực.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên là Lương Mỹ A1, sinh ngày 21/05/2000, đã đến tuổi trưởng thành.

3/ Về chia tài sản khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ kiện này.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông A, bà N phải chịu được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A, Bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0028052 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ông A, bà N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA1 hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND P.Đ, Quận 1;
- Chi cục THADS Q. G
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình